

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D1B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :		5	5	5	3				
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
1	16011007	Phan Huyền	My	31/10/2003	7.9	6.5	7.3	6.5	7.1	Khá			
2	16011025	Nguyễn Thu	Ngân	14/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
3	16011003	Lưu Thị Ngọc	Ngát	14/05/2002	4.4	2.9	3.6	8.0	4.4	Yếu		3=75.0%(2:0)	
4	16011007	Sầm Mai Thảo	Nguyên	15/10/2004	7.8	8.4	7.4	7.1	7.7	Khá			
5	16011003	Lê Thị Hồng	Nhung	04/06/2000	8.4	2.8	5.1	6.3	5.6	Trung bình		1=25.0%(2:0)	
6	16011004	Nguyễn Cẩm	Nhung	05/07/1999	8.6	8.4	7.6	8.3	8.2	Giỏi			
7	16011002	Đặng Thị Ngọc	Oanh	03/11/2002	7.5	2.8	7.6	6.8	6.1	T.bình khá		1=25.0%(2:0)	
8	16011001	Trần Thị	Phương	20/04/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
9	16011003	Nguyễn Thu	Phương	25/07/2003	7.4	1.4	7.3	0.0	4.5	Yếu		2=50.0%(2:0)(4:0)	
10	16011008	Kiều Thị Thanh	Phương	26/12/2003	7.9	8.4	7.4	6.8	7.7	Khá			
11	16011000	Trần Thị	Phương	15/10/2000	7.7	8.3	7.7	8.3	8.0	Giỏi			
12	16011005	Bùi Như	Quỳnh	30/10/2004	8.2	8.5	7.8	7.7	8.1	Giỏi			
13	16011029	Lê Sơn	Tài	20/01/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
14	16011001	Ngô Trường	Thọ	11/11/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
15	16011007	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
16	16011006	Trần Thị	Thu	12/10/2004	7.8	8.3	7.9	5.3	7.6	Khá			
17	16011000	Tạ Thị Hoài	Thư	07/01/2003	8.1	8.0	7.7	8.0	7.9	Khá			
18	16011005	Phạm Thị Hồng	Thúy	18/10/2004	7.9	8.0	5.0	6.6	6.9	T.bình khá			
19	16011012	Nguyễn Thanh	Thúy	27/09/2004	7.9	8.3	8.0	7.4	8.0	Giỏi			

				Số Đvht :		5	5	5	3			
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)			
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011023	Trần Thị	Thùy	19/10/2004	7.7	8.3	7.4	6.8	7.6	Khá		
21	16011006	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/09/2002	7.5	8.3	7.4	6.5	7.5	Khá		
22	16011008	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/11/1998	8.4	8.5	7.8	7.6	8.1	Giỏi		
23	16011014	Phùng Thị Thu	Trang	09/10/2004	7.7	8.3	7.4	5.9	7.5	Khá		
24	16011005	Lê Thị Thanh	Trúc	15/10/2004	7.9	8.2	7.5	7.4	7.8	Khá		
25	16011006	Nguyễn Thị Thu	Uyên	18/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
26	16011003	Lê Thị Thảo	Vân	15/09/2003	8.0	8.4	7.6	6.5	7.8	Khá		
27	16011008	Trịnh Mai	Vân	21/11/2004	8.2	8.0	8.0	7.4	8.0	Giỏi		
28	16011001	Lầu Y	Xử	27/04/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 6 (21.4%), Khá: 10 (35.7%), T.bình khá: 2 (7.1%), Trung bình: 1 (3.6%), Yếu: 9 (32.1%),

Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BÀO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỢC VÀ PC DƯỢC (3) DLLS: DƯỢC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT